



# TỪ ĐỒ ÁN ĐẾN BÀI BÁO: CHUYỂN HÓA TƯ DUY NGHIÊN CỨU TRONG QUY HOẠCH THEO CHUẨN QUỐC TẾ

FROM DESIGN STUDIO TO PUBLICATION:  
TRANSFORMING RESEARCH APPROACH IN URBAN PLANNING  
TOWARD INTERNATIONAL STANDARDS

NCS. KTS. Phan Mỹ Dung<sup>1</sup>

**TÓM TẮT:** Xu hướng quy hoạch dựa trên dữ liệu và công bố trên tạp chí quốc tế đang trở thành chuẩn mực toàn cầu. Tại Việt Nam, đào tạo quy hoạch thường tập trung vào kỹ năng thiết kế, trong khi năng lực nghiên cứu mới được chú trọng ở bậc sau đại học, tạo khoảng cách khi sinh viên muốn du học hoặc phát triển học thuật. Bài viết đề xuất quy trình nhằm khai thác tiềm năng từ đồ án thiết kế thành bài báo khoa học, phục vụ sinh viên và nhà quy hoạch trẻ có nguyện vọng công bố quốc tế. Quy trình gồm: (1) Làm rõ sự khác biệt giữa hai logic tư duy; (2) Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu đương đại (định lượng, định tính, hỗn hợp, so sánh); (3) Hướng dẫn cấu trúc viết IMRaD (Introduction, Methods, Results, and Discussion); và (4) Đề xuất giải pháp tích hợp tạo thành hệ sinh thái nghiên cứu. Mục tiêu: Tạo cơ hội chuyển hóa đồ án thành nghiên cứu, nâng cao chất lượng báo cáo quy hoạch và xây dựng nền tảng học thuật cho ngành quy hoạch đô thị Việt Nam.

**Từ khóa:** Quy hoạch đô thị, phương pháp nghiên cứu, IMRaD, chuyển hóa tư duy, đào tạo quy hoạch.

**Abstract:** Data-driven planning and publication in international journals are becoming global standards. In Vietnam, planning education often focuses on design skills, while research capacity is emphasized only at the postgraduate level, creating a gap for students who wish to study abroad or pursue academic development. This study proposes a process to utilize

the potential of design studio projects and transform them into scientific papers, serving students and young planners aspiring to publish internationally. The process includes: (1) clarifying the differences between the two cognitive logics; (2) introducing contemporary research methodologies (quantitative, qualitative, mixed-methods, and comparative); (3) guiding academic writing using the IMRaD structure (Introduction, Methods, Results, and Discussion); and (4) proposing integrative solutions for developing a research ecosystem. The aim is to create opportunities to convert design projects into research outputs, improve the quality of planning reports, and establish an academic foundation for Vietnam's urban planning discipline.

**Keywords:** Urban planning, research methodology, IMRaD, cognitive transformation, planning education.

Nhận bài ngày 10/10/2025, chỉnh sửa ngày 24/11/2025, chấp nhận đăng ngày 11/12/2025.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

### 1.1. Bối cảnh và vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, yêu cầu công bố khoa học trên các tạp chí quốc tế đã trở thành tiêu chí quan trọng trong đánh giá năng lực nghiên cứu. Theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT, công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus là điều kiện bắt buộc đối với bảo vệ luận án tiến sĩ và xét thăng hạng chức danh khoa học.

<sup>1</sup> Email: blackrosetk20@hotmail.com

Đối với ngành quy hoạch - lĩnh vực giao thoa giữa kỹ thuật, xã hội và nghệ thuật - việc trang bị cả tư duy thiết kế và năng lực nghiên cứu để có thể tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế đặt ra thách thức lớn. Khác với các ngành khoa học tự nhiên hay xã hội, sinh viên quy hoạch được đào tạo chủ yếu qua các đồ án thiết kế - đây là phương pháp học tập hiệu quả, giúp phát triển kỹ năng sáng tạo không gian. Tuy nhiên, quá trình đồ án thường tập trung vào sản phẩm cuối cùng (bản vẽ, phương án thiết kế) mà ít chú trọng đến hệ thống quy trình phân tích, phương pháp luận và cơ sở khoa học.

Kỹ năng nghiên cứu khoa học (NCKH) và viết bài học thuật thường chỉ được chú trọng ở bậc thạc sĩ, tạo ra khoảng cách lớn khi sinh viên muốn nghiên cứu chuyên sâu hoặc du học. Bên cạnh đó, trong thực hành nghề nghiệp, phần phương pháp nghiên cứu tại các báo cáo quy hoạch thường không làm rõ quy trình cụ thể, chưa phản ánh được cấu trúc nghiên cứu, hạn chế khả năng so sánh và đối thoại với cộng đồng nghiên cứu quốc tế.

Xu hướng quy hoạch dựa trên dữ liệu và yêu cầu về cơ sở khoa học đang trở thành chuẩn mực toàn cầu, đòi hỏi nhà quy hoạch vừa là người thiết kế, vừa là người nghiên cứu. Câu hỏi đặt ra: Làm thế nào để sinh viên và nhà quy hoạch trẻ có thể phát triển năng lực nghiên cứu song song với kỹ năng thiết kế, từ đó có khả năng công bố quốc tế mà không làm thay đổi bản chất của đồ án quy hoạch?

**1.2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết mang tính chất tổng quan phương pháp và chia sẻ kinh nghiệm dựa trên trải nghiệm cá nhân của tác giả trong quá trình học tập, công tác trong ngành quy hoạch tại Việt Nam, tham gia hội thảo khoa học và nghiên cứu tiến sĩ tại Trung Quốc. Phương pháp chính là phân tích so sánh giữa hai logic tư duy (thiết kế và nghiên cứu) từ đó đề xuất quy trình chuyển hóa thông qua việc làm rõ sự khác biệt của hai tư duy, giới thiệu các phương pháp nghiên cứu đương đại trong quy hoạch, hướng dẫn cấu trúc viết bài theo chuẩn IMRaD, và gợi ý giải pháp tích hợp nghiên cứu vào đào tạo - thực hành tạo thành hệ sinh thái nghiên cứu.

**2. TƯ DUY THIẾT KẾ VÀ TƯ DUY NGHIÊN CỨU: HAI LOGIC SONG HÀNH**

**2.1. Bản chất của tư duy thiết kế**

Tư duy thiết kế là nền tảng truyền thống của đào tạo quy hoạch, được hình thành chủ yếu qua hệ thống đồ án. Mục tiêu cốt lõi là tạo ra giải pháp không gian, đáp ứng các yêu cầu đa chiều về chức năng, thẩm mỹ và kỹ thuật. Tư duy thiết kế có ba đặc điểm chính: (1) Hướng đến giải pháp, (2) Tư duy tổng hợp, trực quan, và (3) Chấp nhận tính mơ hồ, lặp lại. Ưu điểm của nó là sáng tạo, linh hoạt và toàn diện; quá trình phi tuyến, cho phép điều chỉnh liên tục. Tuy nhiên, xét ở góc độ học thuật, tư duy thiết kế còn hạn chế ở ba điểm:

- Thiếu luận chứng khoa học chặt chẽ, phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân.
- Cơ sở lý thuyết định hướng còn mờ nhạt.



*Đào tạo quy hoạch truyền thống thường tập trung vào kỹ năng thiết kế trực quan qua các đồ án và mô hình*

- Quá trình tạo ra giải pháp ít được ghi lại hệ thống, khó kiểm chứng và đối thoại học thuật.

**2.2. Tư duy nghiên cứu trong quy hoạch**

Trái với thiết kế, tư duy nghiên cứu nhằm khám phá, lý giải và kiểm chứng hiện tượng quy hoạch. Mục tiêu của nghiên cứu không phải tạo ra giải pháp tối ưu, mà là hiểu bản chất vấn đề, xác định quan hệ nhân quả hay đánh giá hiệu quả can thiệp. Tư duy nghiên cứu đòi hỏi quy trình chặt chẽ: Xác định vấn đề rõ ràng, đặt câu hỏi nghiên cứu, lựa chọn phương pháp phù hợp, thu thập - phân tích dữ liệu, trình bày và diễn giải kết quả một cách khách quan. Mỗi bước cần có khả năng tái lập và kiểm chứng, đảm bảo tính minh bạch. Hai hướng tiếp cận: "Thiết kế như nghiên cứu" - khám phá thông qua quá trình thiết kế, và "nghiên cứu về thiết kế" - phân tích, đánh giá và lý thuyết hóa hiện tượng thiết kế bằng phương pháp khoa học.

**2.3. Bước chuyển hóa cần thiết**

Chuyển từ tư duy thiết kế sang tư duy nghiên cứu không có nghĩa là từ bỏ sáng tạo, mà là bổ sung logic khoa học cho quá trình thiết kế. Thiết kế tốt nhất là sự kết hợp giữa trực giác sáng tạo và phân tích có hệ thống.

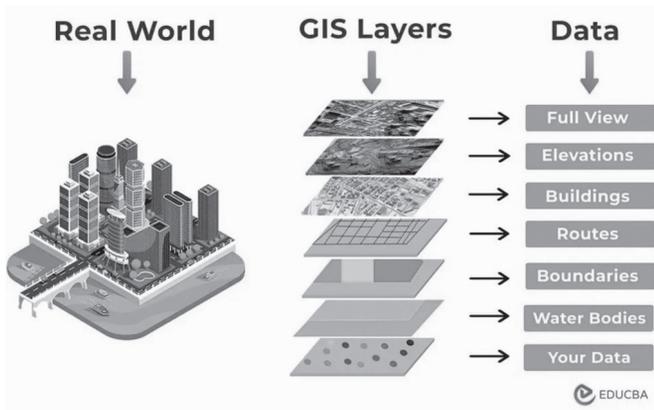
**Bảng 1. Bước chuyển hóa tư duy từ đồ án thiết kế đến NCKH**

Từ đồ án thiết kế	→	Đến NCKH
Giải pháp thiết kế	→	Câu hỏi nghiên cứu
Sơ đồ, bản vẽ, mô hình	→	Dữ liệu, bảng biểu, kết quả phân tích
Mô tả ý tưởng thiết kế	→	Diễn giải kết quả, thảo luận ý nghĩa
Thuyết phục bằng hình thức	→	Chứng minh bằng phương pháp

Hai tư duy này không đối lập mà bổ sung cho nhau: Tư duy thiết kế mang lại trực giác và sáng tạo, trong khi tư duy nghiên cứu đem lại chiều sâu lý luận và khả năng kiểm chứng. Một nhà quy hoạch giỏi cần vận dụng linh hoạt cả hai

- vừa thiết kế được giải pháp, vừa hiểu và chứng minh được cơ sở khoa học của nó.

**3. CÁC HƯỚNG TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU TRONG QUY HOẠCH ĐƯƠNG ĐẠI**



Một bản đồ phân tích đô thị bằng phần mềm GIS với các lớp dữ liệu chồng lên nhau (layer), thể hiện mật độ, giao thông hoặc sử dụng đất

**3.1. Tổng quan các phương pháp nghiên cứu chính**

Trong bối cảnh quy hoạch ngày càng phức tạp, việc nắm vững các hướng tiếp cận nghiên cứu giúp nhà nghiên cứu trẻ mở rộng công cụ phân tích và đối thoại với cộng đồng học thuật quốc tế. Lựa chọn phương pháp phụ thuộc vào bản chất câu hỏi nghiên cứu, mục tiêu và nguồn dữ liệu có sẵn. Các phương pháp thường được phân loại thành ba nhóm chính như định lượng, định tính, và hỗn hợp, cùng với phương pháp so sánh được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu đô thị học.

**Bảng 2. So sánh các phương pháp nghiên cứu chính trong ngành quy hoạch**

Phương pháp	Câu hỏi nghiên cứu	Công cụ chính	Ưu điểm	Hạn chế
Định lượng	Bao nhiêu? Ở đâu?	GIS, AHP/ MCA, AI/ML	Xử lý dữ liệu lớn, dự báo	Khó nắm bắt ngữ cảnh
Định tính	Tại sao? Như thế nào?	Delphi, Interview, Discourse Analysis	Hiểu sâu ngữ cảnh	Khó tổng quát hóa
Hỗn hợp	Vừa đo lường vừa giải thích	Kết hợp	Kiểm chứng chéo	Phức tạp, tốn nguồn lực
So sánh	Giống/khác gì?	Comparative case study	Học hỏi kinh nghiệm	Khó kiểm soát biến số



GS. C. Tortajada hướng dẫn cách viết bài báo theo chuẩn IMRaD tại Hội thảo tổ chức tại Đại học Trường An tháng 10/2025

**3.2. Ý nghĩa của đa dạng hóa phương pháp**

Để có thể đóng góp vào lý thuyết quy hoạch toàn cầu, nghiên cứu cần được trình bày theo cách mà cộng đồng quốc tế có thể hiểu và đánh giá. Các tạp chí quy hoạch quốc tế hàng đầu đều yêu cầu tác giả trình bày rõ ràng phương pháp luận, cấu trúc lập luận logic, và tính toàn vẹn của dữ liệu thực nghiệm để có thể đánh giá tính nghiêm ngặt và độ tin cậy của nghiên cứu.

Tuy nhiên, không có phương pháp nào vượt trội tuyệt đối - mỗi phương pháp có điểm mạnh riêng phù hợp với từng loại câu hỏi. Việc hiểu rõ điểm mạnh và hạn chế của từng phương pháp giúp nhà nghiên cứu thiết kế quy trình hiệu quả. Trong bối cảnh Việt Nam, mặc dù còn nhiều thách thức về nguồn dữ liệu mở, năng lực kỹ thuật và ngân sách, các nghiên cứu tiên phong đã bắt đầu áp dụng GIS và AHP trong đánh giá quy hoạch, Big Data trong phân tích giao thông, và phương pháp tham gia trong quy hoạch cộng đồng. Những nỗ lực này đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện hơn và tạo cơ hội cho nghiên cứu Việt Nam hội nhập với cộng đồng học thuật quốc tế.

**4. CẤU TRÚC VIẾT THEO CHUẨN IMRaD: CÔNG CỤ KẾT NỐI GIỮA THIẾT KẾ VÀ NGHIÊN CỨU**

**4.1. IMRaD: Ngôn ngữ chung của cộng đồng nghiên cứu quốc tế**

IMRaD - viết tắt của Introduction, Methods, Results, and Discussion - được coi là "tiếng nói chung" giúp các nhà nghiên cứu từ các nền văn hóa học thuật khác nhau có thể hiểu và đánh giá công trình của nhau. Cấu trúc này không chỉ là quy ước hình thức mà phản ánh logic tự nhiên của quá trình NCKH.

Một điểm cần đặc biệt lưu ý là cấu trúc IMRaD không phải là một khuôn mẫu cứng nhắc, mà là một khung logic linh hoạt. Trong lĩnh vực quy hoạch đô thị, đôi khi cần bổ sung thêm phần "Phân tích" hoặc "Đánh giá" để trình bày các nội dung tổng hợp và đánh giá phức tạp. Một số tạp chí cũng cho phép gộp chung hai phần Kết quả và Thảo luận giúp

mạch luận trở nên liền lạc và thuyết phục hơn. Tuy nhiên, dù sắp xếp theo hình thức nào, bốn yếu tố cốt lõi - xác định vấn đề, mô tả phương pháp, trình bày kết quả và diễn giải ý nghĩa - vẫn cần được thể hiện đầy đủ, rõ ràng và logic.

**4.2. Từ thực tiễn Việt Nam đến chuẩn mực quốc tế: Nhận diện tiềm năng chuyển hóa**

Khoảng cách giữa thực tiễn Việt Nam và chuẩn mực quốc tế không nằm ở chất lượng nội dung mà ở cách tổ chức và trình bày. Nhiều yếu tố cần thiết cho một bài báo khoa học đã có sẵn trong quá trình thực hiện đồ án/báo cáo quy hoạch - chỉ cần được tái cấu trúc.

**Bảng 3. Nhận diện tiềm năng chuyển hóa từ báo cáo quy hoạch**

Thành phần trong báo cáo quy hoạch	Cách khai thác theo IMRaD
Giới thiệu chung	<b>Introduction:</b> Tập trung vấn đề nghiên cứu, xác định khoảng trống
Phương pháp nghiên cứu	<b>Methods:</b> Làm rõ nguồn dữ liệu, công cụ (GIS, khảo sát...) và quy trình phân tích
Phương án quy hoạch	<b>Results:</b> Trình bày phát triển qua bảng biểu, sơ đồ
Kết luận	<b>Discussion:</b> Bổ sung phân tích cơ sở khoa học của phương án, so sánh với trường hợp tương tự, thảo luận hạn chế

Một đồ án quy hoạch hoàn chỉnh chứa đựng nhiều lớp thông tin và phân tích - mỗi lớp có thể phát triển thành một bài báo độc lập với góc nhìn nghiên cứu khác nhau. Ví dụ chọn một góc độ cụ thể như phân tích đánh giá khả năng tiếp cận hay nhận thức của người dân về chất lượng không gian sống v.v. Từ đó, xác định rõ câu hỏi nghiên cứu, phương pháp, kết quả riêng biệt và áp dụng cấu trúc theo IMRaD.

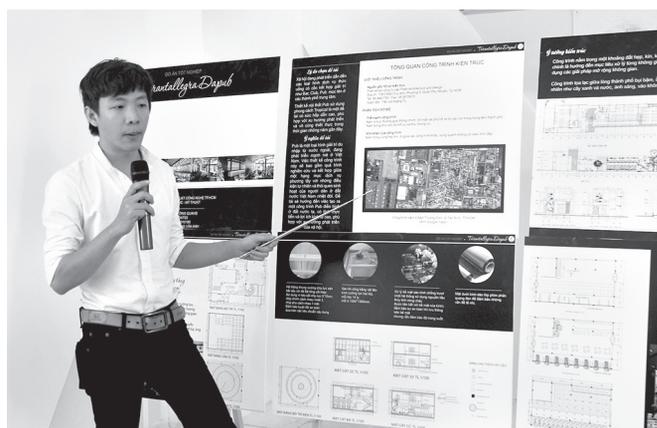
**5. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM QUY HOẠCH VÀ ĐÀO TẠO**

**5.1. Tích hợp nghiên cứu vào sản phẩm quy hoạch**

Sản phẩm quy hoạch ở Việt Nam có thể nâng tầm từ văn bản kỹ thuật sang nghiên cứu ứng dụng có giá trị khoa học. Trong đó, các sản phẩm bản vẽ được giữ vai trò là công cụ kỹ thuật, phục vụ thực tiễn triển khai và quản lý; còn các báo cáo, thuyết minh cần được rà soát, áp dụng các phương pháp hiện đại theo chuẩn mực quốc tế:

Tái cấu trúc báo cáo quy hoạch theo logic khoa học: Thay vì trình bày theo cấu trúc hành chính gồm hiện trạng - pháp lý - phương án, báo cáo có thể tham chiếu mô hình IMRaD. Phần "Giới thiệu" nêu rõ vấn đề và bối cảnh quy hoạch; "Phương pháp" mô tả quy trình, công cụ và tiêu chí phân tích; "Kết quả" thể hiện dữ liệu khách quan qua biểu đồ, bảng biểu; "Thảo luận" phân tích ý nghĩa và so sánh với các trường



*Khuyến khích sinh viên tham gia báo cáo tại các hội thảo khoa học là bước đệm thiết yếu để hội nhập với cộng đồng quy hoạch quốc tế*

hợp tương tự. Cách tiếp cận này giúp sản phẩm quy hoạch có thể đọc, đánh giá và trích dẫn như một NCKH.

Ứng dụng công cụ phân tích hiện đại để hỗ trợ ra quyết định: GIS giúp đánh giá mật độ dân cư, khả năng tiếp cận, phạm vi phục vụ; trong khi các phương pháp AHP hoặc MCA giúp lượng hóa tiêu chí và so sánh phương án, nâng cao tính minh bạch và khách quan.

**5.2. Tăng cường nghiên cứu khoa học sinh viên**

NCKH là cơ hội giúp sinh viên hình thành tư duy học thuật từ sớm, tạo nền tảng cho học tập và nghề nghiệp sau này. Việc gắn kết NCKH với đồ án thiết kế giúp người học hiểu sâu hơn về cơ sở khoa học của các quyết định quy hoạch; mỗi đồ án có thể kèm theo một tiểu luận ngắn phân tích một khía cạnh cụ thể, như đánh giá khả năng tiếp cận không gian công cộng bằng GIS hay dự báo nhu cầu đất ở.

Bên cạnh đó, rèn luyện kỹ năng viết theo cấu trúc IMRaD từ năm thứ hai giúp sinh viên làm quen với chuẩn mực quốc tế, chuẩn bị cho luận văn hoặc bài báo khoa học. Cuối cùng, các trường cần xây dựng kho tài liệu học thuật và bài mẫu bằng tiếng Việt, cung cấp hướng dẫn về phương pháp nghiên cứu, sử dụng GIS, khảo sát và phân tích dữ liệu, giúp sinh viên tự học và giảng viên có nguồn tài liệu thống nhất.

**5.3. Xây dựng môi trường hỗ trợ hội nhập học thuật**

Bên cạnh chương trình đào tạo, cần hình thành một hệ sinh thái hỗ trợ nghiên cứu cho sinh viên và giảng viên. Các câu lạc bộ khoa học có thể tổ chức nhóm đọc và workshop giúp thành viên thảo luận, phản biện và hoàn thiện bản thảo nghiên cứu. Chương trình mentor học thuật kết nối sinh viên với giảng viên, nghiên cứu sinh hoặc chuyên gia có kinh nghiệm công bố quốc tế, hỗ trợ định hướng chủ đề và phản hồi bản thảo.

Song song đó, cần tăng cường kết nối quốc tế thông qua việc khuyến khích tham dự hội thảo, mạng lưới học thuật và tổ chức hội nghị quốc tế tại Việt Nam, giúp sinh viên sớm tiếp cận chuẩn mực nghiên cứu toàn cầu. Những giải pháp này không đòi hỏi nguồn lực lớn, mà chủ yếu là thay đổi cách tổ chức và định hướng đào tạo. Khi được thực hiện kiên trì, chúng sẽ

góp phần hình thành văn hóa nghiên cứu trong cộng đồng quy hoạch Việt Nam - nơi tư duy thiết kế và tư duy nghiên cứu cùng song hành, tạo ra sản phẩm vừa sáng tạo vừa có giá trị khoa học.

**6. KẾT LUẬN: CHUYỂN HÓA ĐỂ HỘI NHẬP**

Bài viết đã đề xuất quy trình chuyển hóa từ tư duy thiết kế sang tư duy nghiên cứu trong quy hoạch, nhằm thu hẹp khoảng cách giữa thực tiễn đào tạo tại Việt Nam và chuẩn mực học thuật quốc tế. Quá trình chuyển hóa không phải thay đổi quy trình, nội dung và phương pháp nghiên cứu của đồ án, từ bỏ bản sắc sáng tạo của nghề quy hoạch; mà là phát triển năng lực nghiên cứu song song với kỹ năng thiết kế, khai thác tiềm năng nghiên cứu từ quá trình thực hiện đồ án để tạo ra sản phẩm học thuật độc lập. Cần nhấn mạnh rằng đồ án quy hoạch là một tài liệu kỹ thuật, giữ vai trò là công cụ pháp lý thực thi; nhưng đây chính là nền tảng cơ sở để có thể khai thác dữ liệu, viết bài khoa học và phát triển thành nhiều bài báo, nghiên cứu có giá trị toàn cầu.

**Ba đóng góp chính của nghiên cứu**

**Thứ nhất**, làm rõ sự khác biệt căn bản giữa hai logic tư duy trong vai trò riêng của mỗi sản phẩm (đồ án quy hoạch và bài báo quy hoạch). Việc nhận diện rõ hai logic này giúp sinh viên và nhà quy hoạch trẻ hiểu rằng họ cần phát triển cả hai năng lực để trở thành nhà quy hoạch toàn diện trong bối cảnh hội nhập.

**Thứ hai**, cung cấp bộ công cụ phương pháp nghiên cứu đương đại đang được áp dụng rộng rãi trong quy hoạch quốc tế: định lượng (GIS, AHP, AI/ML); định tính (phỏng vấn, phân tích diễn ngôn); hỗn hợp (kết hợp sức mạnh của cả hai hướng tiếp cận); và so sánh (học hỏi kinh nghiệm quốc tế). Sự đa dạng này cho thấy nhà quy hoạch cần biết lựa chọn công cụ phù hợp với câu hỏi nghiên cứu cụ thể. Đồng thời, bài viết hướng dẫn cấu trúc viết bài theo chuẩn IMRaD - "ngôn ngữ chung" của cộng đồng nghiên cứu quốc tế, giúp nghiên cứu Việt Nam có thể được hiểu và đánh giá khách quan.

**Thứ ba**, đề xuất quy trình thực hành từ đồ án đến bài báo song song. Thông qua mô hình "vòng tròn đồng tâm", bài viết làm rõ mối quan hệ giữa đào tạo, thiết kế và nghiên cứu, tạo thành một hệ sinh thái toàn diện. Hướng dẫn từng bước giúp sinh viên biết cách: ghi chép có hệ thống trong quá trình làm đồ án, nhận diện các câu hỏi nghiên cứu tiềm năng, phát triển bài báo độc lập với một khía cạnh cụ thể, và áp dụng phương pháp, trình bày theo chuẩn mực quốc tế.

Bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp nghiên cứu vào thiết kế như một hướng đi tất yếu để nâng cao

chất lượng sản phẩm và năng lực học thuật của ngành quy hoạch Việt Nam. Việc áp dụng các công cụ phân tích hiện đại, trình bày sản phẩm theo cấu trúc khoa học, đồng thời thúc đẩy nghiên cứu sinh viên và xây dựng môi trường học thuật cởi mở sẽ tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của lĩnh vực này. Tuy nhiên, nghiên cứu hiện tại chủ yếu dựa trên phân tích tài liệu và so sánh, chưa có dữ liệu thực nghiệm từ người học và người làm nghề. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần kiểm chứng và điều chỉnh các đề xuất trong thực tế, đánh giá hiệu quả của việc tích hợp nghiên cứu vào đào tạo và thực hành. Việc chuyển hóa tư duy này là một quá trình dài hạn, đòi hỏi sự kiên trì và phối hợp của nhiều bên. Khi ngày càng nhiều đồ án được khai thác thành nghiên cứu, sinh viên sớm tiếp cận tư duy khoa học, và các sản phẩm được công bố, trích dẫn rộng rãi, ngành quy hoạch sẽ không chỉ phát triển về thực hành mà còn khẳng định vị thế học thuật trong cộng đồng quốc tế, đóng góp tri thức từ bối cảnh đô thị hóa đặc thù của Việt Nam vào kho tàng nghiên cứu toàn cầu.

Nguyễn Phúc (BT)

**Tài liệu tham khảo:**

1. J. W. Creswell và J. D. Creswell (2017), *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches*, Sage publications.
2. N. Cross (2011), *Design Thinking: Understanding How Designers Think and Work*, Berg, Oxford.
3. B. Flyvbjerg (2006), "Five Misunderstandings About Case-Study Research", *Qualitative Inquiry*, 12(2), tr. 219-245.
4. L. Groat và D. Wang (2013), *Architectural Research Methods*, 2nd, John Wiley & Sons, Inc, Hoboken, New Jersey.
5. B. Lawson (2016), *How Designers Think: The Design Process Demystified*, Elsevier/ Architectural Press, 4th ed, Oxford, Burlington, MA.
6. K.F. Punch (2013), *Introduction to Social Research: Quantitative and Qualitative Approaches*, SAGE Publications.
7. J. Robinson (2011), "Cities in a World of Cities: The Comparative Gesture", *International Journal of Urban and Regional Research*, 35(1), tr. 1-23.
8. K. Ward (2009), "Towards a relational comparative approach to the study of cities", *Progress in Human Geography*, 34(4), tr. 471-487.
9. V. Watson (2009), "Seeing from the South: Refocusing Urban Planning on the Globe's Central Urban Issues", *Urban Studies*, 46(11), tr. 2259-2275.

